

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ MỎ
VÀ CÔNG NGHIỆP - VINACOMIN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được kiểm toán
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2011 và
kết thúc vào ngày 30/06/2011



Tel : +84 4 37670657/37670658
Fax: +84 4 37670555

Ha Noi Office
93/B1 Cau Giay Street
Quan Hoa Ward
Cau Giay District, Ha Noi
Vietnam

Số: 16 /2012/BCKT-BDOHN

Hà Nội, ngày 10 tháng 09 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2011 và kết thúc vào ngày 30/06/2011
của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Mô và Công nghiệp - Vinacomin

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ MÔ VÀ CÔNG NGHIỆP - VINACOMIN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2011 và kết thúc vào ngày 30/06/2011 của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Mô và Công nghiệp - Vinacomin bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 6 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Mô và Công nghiệp - Vinacomin. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Cuộc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính giữa niên độ, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Mô và Công nghiệp - Vinacomin cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chúng tôi tin tưởng rằng cuộc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Mô và Công nghiệp - Vinacomin, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý về tài chính, kế toán có liên quan.

Đại diện cho Công ty TNHH BDO Việt Nam,



Đỗ Thị Anh Tuyết
Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ.0079/KTV

Nguyễn Hồng Quang
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0576/KTV

BDO Vietnam Co., Ltd., a limited liability company incorporated in Vietnam, is a member of BDO International Limited, a UK company limited by guarantee, and forms part of the BDO network of independent member firms. BDO is the brand name for the BDO network and for each of the BDO Member Firms

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ MỎ VÀ CÔNG NGHIỆP - VINACOMIN
 Địa chỉ: 565 Nguyễn Trãi - Quận Thanh Xuân - Tp.Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu B 01-DN

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		96.348.247.375	97.957.059.552
Tiền và tương đương tiền	110	5.1	11.735.602.830	40.882.893.338
Tiền	111		11.735.602.830	39.382.893.338
Các khoản tương đương tiền	112		-	1.500.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		48.944.500	-
Đầu tư ngắn hạn	121		48.944.500	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.989.588.455	27.750.938.203
Phải thu khách hàng	131		18.854.283.503	24.257.276.965
Trả trước cho người bán	132		6.219.449.209	918.997.939
Các khoản phải thu khác	135	5.2	1.112.667.704	2.771.475.260
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(196.811.961)	(196.811.961)
Hàng tồn kho	140	5.3	53.119.646.403	24.082.643.040
Hàng tồn kho	141		53.119.646.403	24.082.643.040
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.454.465.187	5.240.584.971
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		76.181.215	60.000.000
Thuế GTGT được khấu trừ	152		648.622.197	9.293.402
Thuế và các khoản phải thu N. Nước	154	5.4	641.638.418	1.707.198.284
Tài sản ngắn hạn khác	158		4.088.023.357	3.464.093.285
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		17.303.499.964	14.619.996.902
Tài sản cố định	220		14.898.060.498	13.170.100.944
TSCĐ hữu hình	221	5.5	12.326.782.980	12.751.094.933
- Nguyên giá	222		27.757.268.119	26.549.623.590
- Giá trị khấu hao lũy kế	223		(15.430.485.139)	(13.798.528.657)
TSCĐ vô hình	227	5.6	18.146.237	49.352.920
- Nguyên giá	228		548.254.630	548.254.630
- Giá trị khấu hao lũy kế	229		(530.108.393)	(498.901.710)
Chi phí XD CB dở dang	230	5.7	2.553.131.281	369.653.091
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		500.000.000	500.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258	5.8	500.000.000	500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		1.905.439.466	949.895.958
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	1.673.238.032	717.694.524
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		232.201.434	232.201.434
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		113.651.747.339	112.577.056.454

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ MỎ VÀ CÔNG NGHIỆP - VINACOMIN
 Địa chỉ: 565 Nguyễn Trãi - Quận Thanh Xuân - Tp.Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
NỢ PHẢI TRẢ	300		92.722.290.758	94.437.573.682
Nợ ngắn hạn	310		87.084.556.495	88.076.080.815
Vay và nợ ngắn hạn	311	5.10	4.999.982.027	2.419.218.500
Phải trả người bán	312		25.629.385.700	31.195.890.901
Người mua trả tiền trước	313		43.517.615.500	34.380.881.746
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	658.755.129	865.612.933
Phải trả người lao động	315		3.843.660.858	8.547.538.190
Chi phí phải trả	316	5.12	998.476.285	-
Phải trả nội bộ	317		1.261.846.630	1.748.383.108
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	4.637.978.506	6.832.849.577
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.536.855.860	2.085.705.860
Nợ dài hạn	320		5.637.734.263	6.361.492.867
Vay và nợ dài hạn	334	5.14	4.332.644.000	5.109.242.000
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.253.134.463	1.200.295.067
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		51.955.800	51.955.800
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		20.929.456.580	18.139.482.772
Vốn chủ sở hữu	410	5.15	20.929.456.580	18.139.482.772
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		16.000.000.000	8.000.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(530.687.476)	(1.041.278.490)
Quỹ đầu tư phát triển	417		2.211.728.774	9.218.776.208
Quỹ dự phòng tài chính	418		1.961.985.054	1.961.985.054
Lợi nhuận chưa phân phối	420		1.286.430.229	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		113.651.747.339	112.577.056.454

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ MỎ VÀ CÔNG NGHIỆP - VINACOMIN
Địa chỉ: 565 Nguyễn Trãi - Quận Thanh Xuân - Tp.Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2011

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
Tài sản thuê ngoài (VND)		-	-
Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)		-	-
Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược (VND)		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		-	-
Ngoại tệ các loại			
+USD		170.465,95	22.707,06
Dự toán chi sự nghiệp, dự án (VND)		-	-

Hà Nội, ngày 10 tháng 09 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Đỗ Ngọc Hải

Lê Đức Tuấn



Phạm Công Hương

112
CH
C
T
D
T
A
G

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2011

Mẫu B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	76.378.024.764	69.813.238.583
Các khoản giảm trừ	02	6.2	8.237.707	-
- Giảm giá hàng bán	05		8.237.707	-
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10	6.3	76.369.787.057	69.813.238.583
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.4	66.404.151.023	61.773.901.443
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.965.636.034	8.039.337.140
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	226.302.234	326.699.711
Chi phí tài chính	22	6.6	1.741.603.602	762.206.492
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		930.715.557	671.164.804
Chi phí bán hàng	24		782.818.401	297.329.479
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.289.570.231	6.092.402.428
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.377.946.034	1.214.098.452
Thu nhập khác	31		369.989.251	471.158.884
Chi phí khác	32		32.694.980	3.308.382
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		337.294.271	467.850.502
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.715.240.305	1.681.948.954
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	428.810.076	210.243.619
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		1.286.430.229	1.471.705.335
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	1.381	1.840
Lỗ lũy kế năm trước mang sang			-	-
Lỗ lũy kế mang sang năm sau			-	-

Hà Nội, ngày 10 tháng 09 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



Đỗ Ngọc Hải



Lê Đức Tuấn



Phạm Công Hương

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính bắt đầu từ 01/01/2011 và kết thúc vào ngày 30/06/2011

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Số còn phải nộp kỳ trước	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp kỳ sau
A	B	C	1	2	3	4 = 1 + 2 - 3
I	Thuế	10	(841.585.351)	8.285.355.503	7.426.653.441	17.116.711
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	(1.456.625.797)	3.759.750.613	2.629.504.510	(326.379.694)
2	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12	-	1.443.880.268	1.443.880.268	-
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt	13	-	-	-	-
4	Thuế xuất, nhập khẩu	14	-	503.161.894	503.161.894	-
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	15	(250.572.487)	915.857.511	502.007.434	163.277.590
6	Thuế tài nguyên	16	-	-	-	-
7	Thuế nhà đất	17	-	-	-	-
8	Tiền thuế đất	18	-	118.312.250	118.312.250	-
9	Các khoản thuế khác	19	865.612.933	1.544.392.967	2.229.787.085	180.218.815
	<i>Thuế môn bài</i>		-	6.000.000	6.000.000	-
	<i>Thuế TNCN</i>		865.612.933	1.538.392.967	2.223.787.085	180.218.815
	<i>Thuế khác</i>		-	-	-	-
II	Các khoản phải nộp khác	30	-	-	-	-
1	Các khoản phụ thu	31	-	-	-	-
2	Các khoản phí, lệ phí	32	-	-	-	-
3	Các khoản khác	33	-	-	-	-
	<i>Thu điều tiết</i>		-	-	-	-
	<i>Các khoản nộp phạt</i>		-	-	-	-
	<i>Nộp khác</i>		-	-	-	-
	Tổng cộng (40 = 10+ 30)	40	(841.585.351)	8.285.355.503	7.426.653.441	17.116.711

Hà Nội, ngày 10 tháng 9 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



Phạm Công Hương

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ MỎ VÀ CÔNG NGHIỆP - VINACOMIN
 Địa chỉ: 565 Nguyễn Trãi - Quận Thanh Xuân - Tp. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03-DN

Kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2011

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KD			
Lợi nhuận trước thuế	01	1.715.240.305	1.681.948.954
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ	02	1.663.163.165	1.311.071.650
Các khoản dự phòng	03	-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(102.446.258)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(135.347.328)	(762.206.492)
Chi phí lãi vay	06	930.715.557	671.164.804
Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn LD	08	4.173.771.699	2.799.532.658
Tăng giảm các khoản phải thu	09	1.153.138.487	7.665.406.928
Tăng giảm hàng tồn kho	10	(29.037.003.363)	(43.515.220.312)
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(3.186.715.437)	19.286.423.805
Tăng giảm chi phí trả trước	12	971.724.723	(6.807.870.384)
Tiền lãi vay đã trả	13	(425.605.670)	-
Thuế thu nhập đã nộp	14	(502.007.434)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	1.063.617.069
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(3.800.883.189)	(228.698.612)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(30.653.580.183)	(19.736.808.848)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(1.993.808.751)	2.435.100.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	194.622.375	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.799.186.376)	2.435.100.000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ SH	31	500.000.000	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	9.355.763.527	2.301.847.500
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(6.000.000.000)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(19.600.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3.836.163.527	2.301.847.500
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(28.616.603.032)	(14.999.861.348)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	40.882.893.338	26.513.865.393
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ng. tệ		(530.687.476)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	11.735.602.830	11.514.004.045

Hà Nội, ngày 10 tháng 09 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đỗ Ngọc Hải



Lê Đức Tuấn



Phạm Công Hương